

Số: /SYT-NVY
V/v yêu cầu báo giá nâng cấp Hệ
thống thông tin an toàn thực phẩm

Trà Vinh, ngày tháng 9 năm 2023

Kính gửi : Công ty/đơn vị lĩnh vực phần mềm

Căn cứ Công văn số 2776/BYT-ATTP ngày 10/5/2023 của Bộ Y tế về việc triển khai hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm;

Căn cứ Công văn số 1950/UBND-KGVX ngày 15/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc triển khai hệ thống thông tin an toàn thực phẩm;

Sở Y tế kính đề nghị quý công ty, đơn vị thuộc lĩnh vực phần mềm, tham gia báo giá nâng cấp Hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm, với các thông tin cụ thể như sau: *(Đính kèm tài liệu thuyết minh giải pháp kỹ thuật)*

Đề nghị quý đơn vị báo giá bao gồm tất cả các chi phí lắp đặt, vận hành, các loại thuế nếu có. Gửi về Sở Y tế Trà Vinh trước 08 giờ ngày 27/9/2023.

Rất mong sự hợp tác của quý công ty/đơn vị./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (b/c)
- Lưu : VP, NVY.

D:\My documents\CNTT\AntoanTP\6-Yeucaubaogia.docx

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Đồi

SỞ Y TẾ

TÀI LIỆU

THUYẾT MINH GIẢI PHÁP KỸ THUẬT

Triển khai nâng cấp phần mềm Quản lý Thông tin An toàn Thực phẩm

Trà Vinh, tháng 09/2023

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin:** Triển khai nâng cấp phần mềm Quản lý Thông tin An toàn Thực phẩm
- 2. Địa điểm đầu tư:** Sở Y tế Trà Vinh
- 3. Đơn vị sử dụng ngân sách:** Sở Y tế Trà Vinh
- 4. Nguồn vốn:** Ngân sách Nhà nước năm 2023
- 5. Thời gian thực hiện:** Năm 2023
- 6. Hình thức đầu tư:** Nâng cấp

II. MỤC TIÊU, QUY MÔ NHU CẦU ĐẦU TƯ, PHẠM VI ÁP DỤNG

1. Sự cần thiết phải đầu tư:

Ngày 10/5/2023, Bộ Y tế ban hành Công văn số 2776/BYT-ATTP về việc về việc cập nhật dữ liệu về công tác đảm bảo ATTP với các nội dung cụ thể như sau:

- Triển khai cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, cơ sở dữ liệu/phần mềm hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm của tỉnh bảo đảm đồng bộ, liên thông, kết nối vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia (Đề án 06).

- Triển khai cập nhật dữ liệu trên hệ thống thông tin về an toàn thực phẩm của tỉnh, đảm bảo người dân, doanh nghiệp có thể tiếp cận được các thông tin cơ bản (theo nội dung đính kèm Công văn số 2776/BYT-ATTP).

Năm 2019, Sở Y tế triển khai ứng dụng phần mềm Quản lý thông tin An toàn thực phẩm vào công tác quản lý tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh với một số chức năng cơ bản và mang lại nhiều hiệu quả.

Kế thừa và phát huy các kết quả đã đạt được của hệ thống cũ, cùng với nền tảng công nghệ và cơ sở hạ tầng sẵn có sẵn sàng đáp ứng được mục tiêu nâng cấp phần mềm, bổ sung các tính năng, chức năng mới nhằm hoàn thiện, tối ưu hệ thống hiện có, đáp ứng yêu cầu thực tế và quy định quản lý nhà nước về ATTP.

Từ thực tế trên, để có cơ sở đảm bảo hoàn thành các nhiệm vụ quản lý, nâng cao chất lượng công tác quản lý về ATTP theo yêu cầu mới của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, góp phần thay đổi mạnh mẽ và hiệu quả hơn nữa trong hoạt động quản lý ATTP trên địa bàn, thì việc triển khai hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nâng cấp phần mềm Quản lý thông tin an toàn thực phẩm là rất cần thiết trong thời điểm hiện tại.

2. Mục tiêu đầu tư

- Nâng cấp tính năng của phần mềm đáp ứng các yêu cầu người dùng trong công tác quản lý nhà nước về An toàn thực phẩm.

- Đảm bảo thực hiện đúng theo hướng dẫn, định hướng các văn bản: Công văn số 2776/BYT-ATTP ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc về việc cập nhật dữ liệu về công tác đảm bảo ATTP; Quyết định số 198/QĐ-BYT ngày 13/01/2021

của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định danh mục chuẩn định dạng dữ liệu kết nối liên thông y tế cơ sở với Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20; Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn 2030.

- Góp phần đẩy mạnh, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác bảo đảm ATTP, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ sức khỏe, quyền lợi người tiêu dùng thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

3. Quy mô

- Nâng cấp phần mềm Quản lý thông tin An toàn thực phẩm bao gồm các thành phần cơ bản và các nội dung chính của hệ thống cụ thể như sau:

- Triển khai nâng cấp phần mềm đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Công văn số 2776/BYT-ATTP về việc về việc cập nhật dữ liệu về công tác đảm bảo ATTP.
- Kết nối liên thông dữ liệu Đề án 06
- Kết nối dữ liệu ATTP với nền tảng QLTT YTCS V20
- Tối ưu các chức năng, hiệu năng so với phiên bản 2019
- Đào tạo nghiệp vụ, hướng dẫn sử dụng

4. Địa điểm thực hiện

- Đơn vị khai thác, sử dụng hệ thống: Sở Y tế tỉnh Trà Vinh

III. CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật An toàn thông tin mạng số 86/2015/QH13 ngày 19/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Luật An ninh mạng số 24/2018/QH14 ngày 12/06/2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;

Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/09/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Quyết định số 06/QĐ- TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 – 2025, tầm nhìn 2030;

Thông tư số 39/2017/TT-BTTTT ngày 15/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành danh mục tiêu chuẩn kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước;

Quyết định số 2035/QĐ-BYT ngày 12/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế công bố danh mục kỹ thuật về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực y tế;

Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2378/QĐ-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Định chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Công văn số 2776/BYT-ATTP ngày 10/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc về việc cập nhật dữ liệu về công tác đảm bảo ATTP;

Quyết định số 198/QĐ-BYT ngày 13/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định danh mục chuẩn định dạng dữ liệu kết nối liên thông y tế cơ sở với Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20.

IV. THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN, GIẢI PHÁP KỸ THUẬT ĐƯỢC ĐỀ XUẤT

1. Công nghệ nền tảng

Phần mềm được nâng cấp các tính năng nghiệp vụ dựa trên nền tảng công nghệ của hệ thống hiện có:

- Máy chủ

- Hệ điều hành: Window server

- Cơ sở dữ liệu: SQL Server

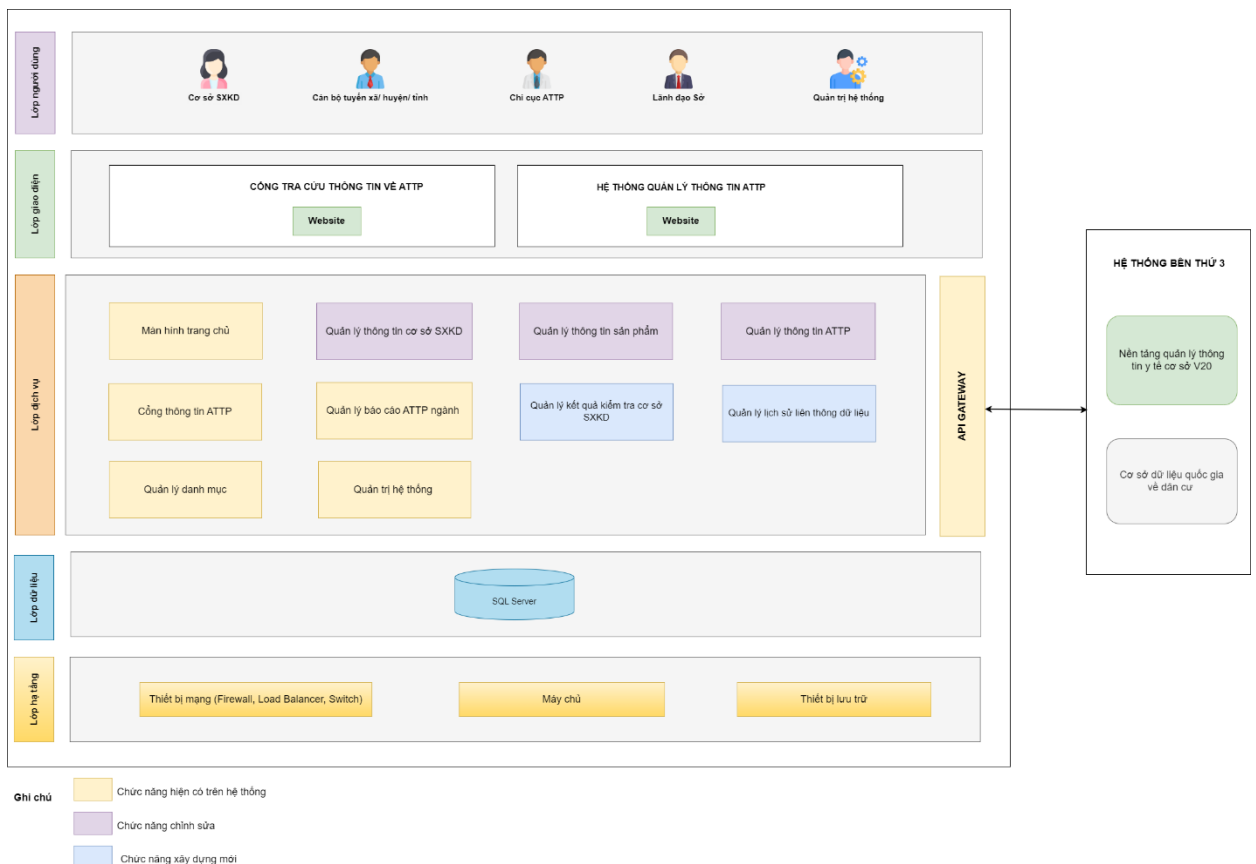
- Application Server: IIS 7 trở lên
- Ngôn ngữ lập trình: C#
- Framework: HTML, Javascript, JQuery

- Máy trạm

- Hệ điều hành: Window hoặc Linux client
- Trình duyệt: Chrome, Firefox, CocCoc

2. Mô hình triển khai của phần mềm sau nâng cấp

Phần mềm hiện tại đang được xây dựng trên môi trường điện toán đám mây, người dùng sẽ truy cập dịch vụ qua các trình duyệt web như Chrome, Firefox, Microsoft Edge....



Hình 1. Kiến trúc tổng thể sau khi nâng cấp

Kiến trúc tổng thể của hệ thống sau khi nâng cấp bao gồm các thành phần chính:

- Đối tượng sử dụng: Các đối tượng sử dụng hệ thống là Lãnh đạo, cán bộ ATTP tại Sở Y tế, Chi cục An toàn thực phẩm, cán bộ ATTP tại tuyến huyện, tuyến xã, người dân.

- Kênh: Cung cấp các kênh giao tiếp (Web, App) giữa Đối tượng sử dụng và hệ thống. Đối tượng sử dụng thực hiện giao tiếp với hệ thống qua giao diện Web. Hệ thống gửi thông báo tới Đối tượng sử dụng qua giao diện Web hoặc Email đối tượng đăng ký sử dụng theo từng yêu cầu nghiệp vụ.

- Ứng dụng & CSDL: Cung cấp các chức năng:

- Tính năng hiện tại của hệ thống (đã xây dựng và đang vận hành) bao gồm:
 - Màn hình trang chủ, Công thông tin ATTP, Báo cáo ATTP ngành, Quản trị hệ thống
- Tính năng chỉnh sửa, nâng cấp bao gồm:
 - Quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh
 - Quản lý sản phẩm
 - Quản lý thông tin ATTP: Giấy xác nhận cơ sở đủ điều kiện, Bản đăng ký công bố, Tự công bố, Bản đăng ký nội dung quảng cáo
- Tính năng xây dựng mới
 - Quản lý kết quả kiểm tra các cơ sở sản xuất kinh doanh
 - Quản lý lịch sử liên thông dữ liệu lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20 và Quản lý kết nối liên thông dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06)

- Hạ tầng: Gồm tất cả các cơ sở hạ tầng để vận hành hệ thống; tài nguyên hỗ trợ các hệ thống ứng dụng, dữ liệu, dịch vụ.

- Hệ thống bên thứ 3: Phần mềm quản lý thông tin ATTP thực hiện kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu thông qua API với :

- Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

3. Quy trình kết nối, liên thông dữ liệu

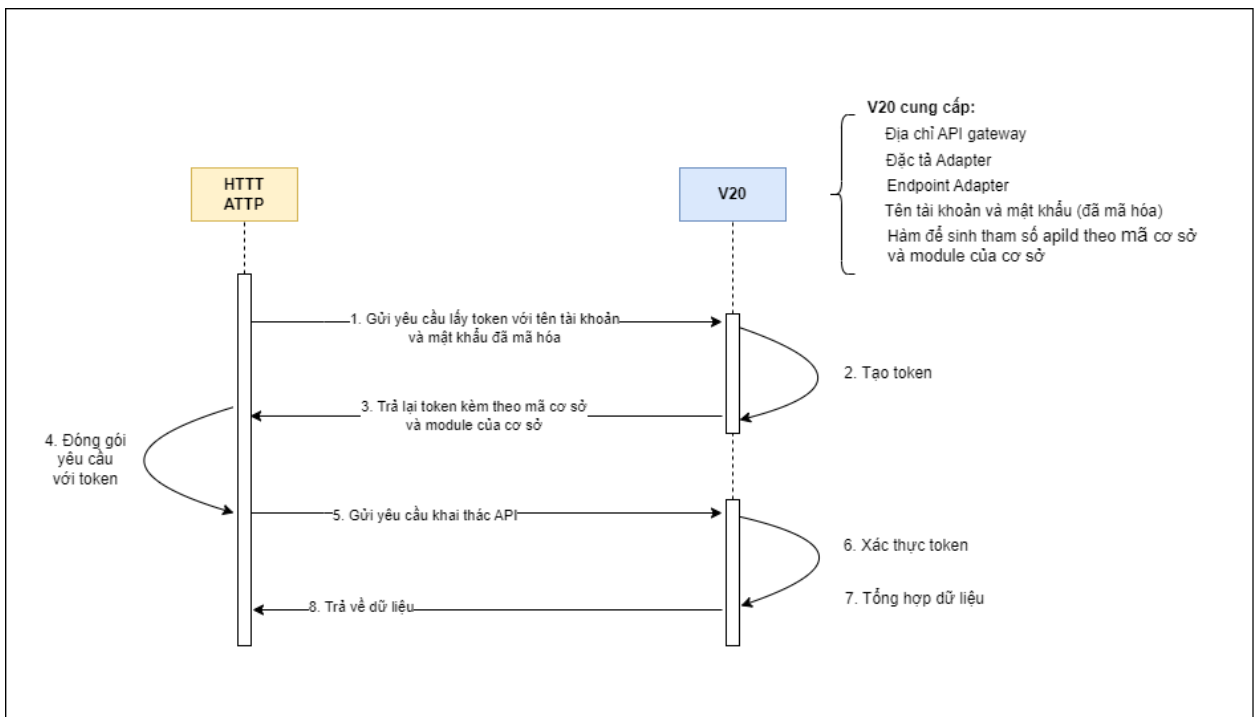
3.1 Quy trình kết nối, liên thông dữ liệu lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20

3.1.1 Nghiệp vụ tích hợp

- Nghiệp vụ tích hợp về ATTP bao gồm:

- Danh sách Cơ sở thực phẩm
- Thông tin giấy chứng nhận ATTP
- Danh sách cơ sở vi phạm
- Danh sách Vụ ngộ độc thực phẩm
- Danh sách trường hợp Ngộ độc thực phẩm
- Danh sách nguồn lực an toàn thực phẩm
- Truyền thông an toàn thực phẩm
- Hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm
- Kết quả thanh tra, kiểm tra
- Danh sách kiểm nghiệm thực phẩm
- Nguồn kinh phí

3.1.2 Mô hình kết nối



- **Trình tự kết nối:**

- Bước 1: Yêu cầu token. Phần mềm quản lý thông tin ATTP (HTTT ATTP) sử dụng tên tài khoản và mật khẩu đã được mã hóa gửi yêu cầu lấy token kết nối khai thác thông tin do V20 cung cấp.
- Bước 2: Tạo token. Dịch vụ tạo token của V20 sẽ khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc giữa V20 và phần mềm thông qua token này.
- Bước 3: Trả về token. Sau khi khởi tạo token V20 sẽ trả lại token cho HTTT ATTP Token này có giá trị sử dụng trong suốt phiên làm việc và không còn giá trị khi phiên làm việc timeout.
- Bước 4: Đóng gói yêu cầu và token.
- Bước 5: Gửi yêu cầu khai thác Adapter.
- Bước 6: Xác thực token khi khai thác Adapter.
- Bước 7: Tổng hợp dữ liệu. V20 sẽ tổng hợp dữ liệu phù hợp đối với từng Adapter theo từng giai đoạn phát triển và có tài liệu đặc tả thông tin trả về.
- Bước 8: Trả về dữ liệu. Khi HTTT ATTP kết nối trực tiếp với V20 sẽ nhận được dữ liệu ngay sau khi V20 tổng hợp thông tin.

3.1.3 Chuẩn dữ liệu kết nối

➤ *Danh sách cơ sở thực phẩm*

T T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO_ATTP	Chuỗi	10	Mã cơ sở An toàn thực phẩm
2	TEN_CO_SO	Chuỗi	200	Bao gồm cả tên đầy đủ của cơ sở thực phẩm và tên viết tắt
3	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
4	MA_TINH	Chuỗi	2	mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
5	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
6	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)

T T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
7	SO_DIEN_THOAI	Chuỗi	30	Số điện thoại
8	EMAIL	Chuỗi	100	Email của cơ sở thực phẩm
9	MA_NGANH_QUAN_LY	Số	1	Mã ngành quản lý: 1- Ngành y tế, 2- Nông nghiệp, 3 -Công thương, 4- Ủy ban nhân dân
10	MA_CAP_QUAN_LY	Số	1	Mã cấp quản lý: 1-Trung ương, 2- Tỉnh, 3-Huyện, 4- Xã
11	MA_PHAN_LOAI_CO_SO	Số	1	Mã phân loại cơ sở: 1-Sản xuất thực phẩm bao gồm vừa sản xuất vừa kinh doanh, 2- Kinh doanh thực phẩm, 3-Kinh doanh dịch vụ ăn uống, 4-Kinh doanh thức ăn đường phố, 5-Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe
12	TRANG_THAI_CAP_PHEP	Chuỗi	1	Mã trạng trạng thái cấp phép: 1- Cơ sở đủ điều kiện, 2- Bản cam kết, 3 - Chưa cấp phép, 4-Không cần cấp, 12- Cơ sở đủ điều kiện thực hành sản xuất tốt GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe
13	TINH_TRANG_HOAT_DONG	Số	1	Mã tình trạng: 1-Hoạt động, 2- Ngừng hoạt động

➤ **Thông tin giấy chứng nhận ATTP**

ST T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO_ATTP	Chuỗi	10	Mã cơ sở An toàn thực phẩm
2	SO_GIAY_CHUNG_NHAN	Chuỗi	30	Số chứng nhận cấp phép
3	NGAY_CAP_GCN_ATTP	Chuỗi	12	Kiểu dd/mm/yyyy

4	NGAY_HET_HAN_GCN_ATTP	Chuỗi	12	Kiểu dd/mm/yyyy
---	-----------------------	-------	----	-----------------

➤ **Danh sách Cơ sở vi phạm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO	Chuỗi	10	Mã cơ sở thực phẩm vi phạm
2	TEN_CO_S O	Chuỗi	200	Bao gồm cả tên đầy đủ của cơ sở thực phẩm và tên viết tắt
3	NGAY_KIE M_TRA	Chuỗi	12	Kiểu yyyyMMdd
4	NOI_DUNG_VI_PHAM	Chuỗi	50	Cơ sở vi phạm thuộc loại hình vi phạm nào, có thể chọn 1 hoặc nhiều, nếu nhiều các vi phạm cách nhau bởi dấu chấm phẩy. Các nội dung vi phạm gồm: 1-Vi phạm về công bố sản phẩm, 2-Vi phạm về chất lượng sản phẩm, 3-Vi phạm về chỉ tiêu an toàn thực phẩm, 4-Vi phạm về quảng cáo thực phẩm, 5-Vi phạm về điều kiện an toàn thực phẩm, 6-Vi phạm khác
5	BIEN_PHAP_KHAC_PH UC	Số	1	Mã biện pháp khắc phục: 1-Buộc thu hồi, 2-Buộc tiêu hủy, 3-Khác
6	SO_TIEN_P HAT	Số	18	Làm tròn đến hai chữ số thập phân. Sử dụng dấu chấm (.) để phân cách giữa số nguyên (hàng đơn vị) và với số thập phân đầu tiên.
7	HINH_THU C_XU_LY	Chuỗi	100	Đình chỉ hoạt động, tịch thu tang vật, tước quyền sử dụng GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP, chuyên cơ quan chuyên trách điều tra xử lý,...

➤ **Danh sách Vụ ngộ độc thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_VU_NGO_DOC	Chuỗi	12	Mã vụ ngộ độc

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
2	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm nơi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm
3	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
4	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
5	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
6	SO_NGUOI_A N	Số	8	Số người ăn
7	SO_NGUOI_M AC	Số	8	Số người mắc
8	SO_NGUOI_D I_VIEN	Số	8	Số người đi viên
9	SO_NGUOI_C HET	Số	8	Số người tử vong
10	MA_TAC_NH AN_NGO_DO C	Chuỗi	2	1. Vi sinh, 2. Hóa chất, 3 Độc tố tự nhiên, 4. Không xác định
11	TAC_NHAN_ NGO_DOC	Chuỗi	50	Ghi rõ loại tác nhân gây ngộ độc
12	TRIEU_CHUN G	Chuỗi	400	Mô tả triệu chứng lâm sàng, ghi thông tin triệu chứng chính của bệnh nhân
13	LAY_MAU_X ET_NGHIEM	Số	1	1=Có lấy mẫu, 2=không lấy mẫu
14	LAY_MAU	Chuỗi	10	Mẫu thực phẩm hay mẫu bệnh phẩm
15	BUA_AN_NG	Chuỗi	30	Sáng, trưa, chiều, khác (ghi rõ)

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
	HI_NGO			
16	LOAI_HINH_NDTP	Chuỗi	30	Loại hình xảy ra 1. Gia đình, 2. Nhà hàng, 3. Nhà trẻ, 4. Bếp ăn tập thể, 5 Khách sạn, 6. Đám cưới/đám giỗ, 7. Bếp ăn trường học, 8. Thức ăn đường phố, 9. Khác
17	MA_THUC_AN_NGUYEN_NHAN	Chuỗi	10	Có thể lựa chọn 1 hoặc nhiều loại 1. Thịt hoặc sản phẩm từ thịt 2. Cá hoặc sản phẩm từ cá 3. Trứng hoặc sản phẩm từ trứng 4. Ngũ cốc hoặc sản phẩm từ ngũ cốc 5. Sữa hoặc sản phẩm từ sữa 6. Rau hoặc sản phẩm từ rau 7. Nước giải khát 8. Thức phẩm chế biến hỗn hợp 9. Rượu 10. Thức ăn khác (ghi rõ)
18	THUC_AN_NGUYEN_NHAN	Chuỗi	30	Ghi rõ loại thức ăn
19	KIEN_NGHI	Chuỗi	400	Mô tả kiến nghị, đề xuất

➤ **Danh sách trường hợp Ngộ độc thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_BN	Chuỗi	30	Mã định danh của trường hợp bị ngộ độc thực phẩm
2	MA_VU_NGO_DOC	Chuỗi	12	Mã vụ ngộ độc

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
3	HO_TEN	Chuỗi	50	Họ và tên
4	NGAY_SINH	Chuỗi	12	Theo định dạng ngày tháng năm yyyymmdd
5	DIACHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
6	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
8	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
9	NGAY_MAC	Chuỗi	12	Ngày mắc theo định dạng yyyymmdd
10	NGAY_VAO_VIEN	Chuỗi	12	Ngày vào viện định dạng yyyymmdd
11	NGAY_RA_VIEN	Chuỗi	12	Ngày ra viện định dạng yyyymmdd
12	NGUYEN_NHAN_NGO_DOC	Chuỗi	200	Ghi rõ kết quả kiểm nghiệm phát hiện nguyên nhân trong mẫu thực phẩm (vi sinh, hóa học, độc tố tự nhiên, không xác định)
13	KET_QUA_DIEU_TRI	Chuỗi	100	Kết quả điều trị

➤ **Danh sách nguồn lực an toàn thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CSYT	Chuỗi	5	Mã cơ sở y tế
2	MA_NGUON	Chuỗi	50	Mã nguồn lực

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
	LUC			
3	TEN_CSYT	Chuỗi	100	Tên cơ sở y tế quản lý
4	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
5	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
6	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
8	SO_DIEN_THOAI	Chuỗi	30	Số điện thoại
9	EMAIL	Chuỗi	100	Email của cơ sở thực phẩm
10	TONG_CBNV	Số	3	Tổng cán bộ hiện có tại cơ sở
11	SO_CB_ATTP	Số	3	Tổng số cán bộ chuyên trách về An toàn thực phẩm
12	SO_CB_KIEM NHIEM	Số	3	Tổng số cán bộ kiêm nhiệm
13	SO_LUONG_DAIHOC	Số	3	Tổng số cán bộ có trình độ đại học
14	SO_LUONG_SAUDAHOC	Số	3	Tổng số cán bộ có trình độ sau đại học
15	SO_LUONG_CAO DANG	Số	3	Tổng số cán bộ có trình độ cao đẳng
16	SO_MAY_TINH H	Số	3	Tổng số máy tính hiện có và sử dụng được tại cơ sở y tế

➤ **Truyền thông an toàn thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CSYT	Chuỗi	5	Mã cơ sở y tế
2	TEN_CSYT	Chuỗi	50	Tên cơ sở y tế quản lý
3	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
4	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
5	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
6	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	SO_DIEN_T HOAI	Chuỗi	30	Số điện thoại
8	EMAIL	Chuỗi	100	Email của cơ sở thực phẩm

➤ **Hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CSYT	Chuỗi	5	Mã cơ sở y tế
2	TEN_HOAT_DONG	Chuỗi	100	Tên hoạt động
3	MA_HOAT_DONG	Chuỗi	100	Mã hoạt động
4	GHI_CHU	Chuỗi	200	Mô tả (Số người tham dự,...)

➤ **Kết quả thanh tra, kiểm tra**

STT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_DOT_KIEM TRA	Chuỗi	20	Mã đợt kiểm tra

STT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
2	TEN_DOT_KIEM_TRA	Chuỗi	100	Thông tin mô tả báo cáo
3	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
4	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
5	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
6	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	PHAM_VI	Số	1	Quy mô thực hiện (1-thôn, 2-xã, 3-huyện, 4-tỉnh)
8	NGAY_BAT_DA_U	Chuỗi	12	Ngày bắt đầu thanh kiểm tra
9	NGAY_KET_THU_C	Chuỗi	12	Ngày kết thúc thanh kiểm tra
10	MA_CSYT	Chuỗi	30	Mã cơ sở y tế

➤ **Danh sách kiểm nghiệm thực phẩm**

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO	Chuỗi	10	Mã cơ sở thực phẩm vi phạm
2	MA_DOT_KIEM_TRA	Chuỗi	20	Mã đợt kiểm tra
3	KET_LUAN	Số	1	Kết luận (1. Đạt VS ATTP, 2. Vi phạm VS ATTP)

4	SO_MAU_XET_NGHIEM	Số	8	Tổng số mẫu xét nghiệm (mẫu số)
5	SO_MAU_DAT	Số	8	Số mẫu đạt
6	SO_MAU_KHO NG_DAT	Số	8	Số mẫu không đạt (bằng số mẫu xét nghiệm trừ số mẫu đạt)

➤ **Nguồn kinh phí**

ST T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	NGUON_KINH_PHI	Chuỗi	30	Mô tả thông tin nguồn kinh phí: ngân sách từ Chương trình mục tiêu y tế- dân số; Ngân sách từ địa phương và Nguồn kinh phí khác (ghi rõ)
2	MA_NGUON_KINH_PHI	Chuỗi	30	Mã nguồn kinh phí
3	MA_DKBD	Chuỗi	5	Mã cơ sở khám chữa bệnh mà bệnh nhân đăng ký khám chữa bệnh ban đầu, ghi đúng 5 ký tự trên thẻ BHYT
4	GIA_TRI	Số	20	Ghi tổng số tiền tính theo đơn vị triệu đồng
5	GHI_CHU	Chuỗi	2000	Ghi chú

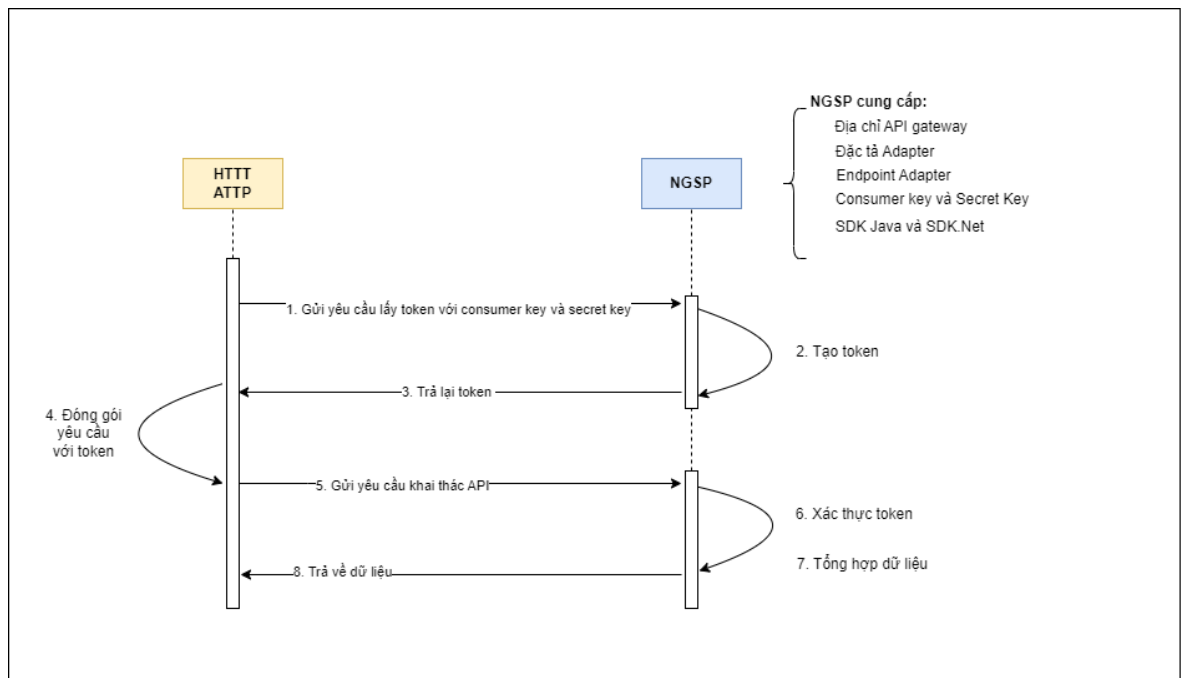
3.2 Quy trình kết nối, liên thông dữ liệu lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (Đề án 06)

3.2.1 Nghiệp vụ tích hợp

- Nghiệp vụ tích hợp về ATTP bao gồm:

- Thông tin Cơ sở SXKD
- Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện
- Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo
- Thông tin đăng ký công bố
- Thông tin tự công bố sản phẩm

3.2.2 Mô hình kết nối



- Trình tự kết nối:

- Bước 1: Yêu cầu token. Phần mềm quản lý thông tin ATTP (HTTT ATTP) sử dụng 02 khóa là Consumer key và Secret key gửi yêu cầu lấy token kết nối khai thác thông tin do NGSP cung cấp.
- Bước 2: Tạo token. Dịch vụ tạo token của NGSP sẽ khởi tạo token cho phép thực hiện phiên làm việc giữa NGSP và HTTT ATTP thông qua token này.
- Bước 3: Trả về token. Sau khi khởi tạo token NGSP sẽ trả lại token cho HTTT ATTP. Token này có giá trị sử dụng trong suốt phiên làm việc và không còn giá trị khi phiên làm việc timeout.
- Bước 4: Đóng gói yêu cầu và token. Đầu vào khi khai thác Adapter gồm có hai thành phần:
 - (1) Thông tin đầu vào như số chứng minh thư, số hộ chiếu, mã số định danh, mã số doanh nghiệp....;
 - (2) Thông tin token. Hai thông tin này được đóng gói lại làm đầu vào khi khai thác Adapter.
- Bước 5: Gửi yêu cầu khai thác Adapter.
- Bước 6: Xác thực token khi khai thác Adapter.
- Bước 7: Tổng hợp dữ liệu. NGSP sẽ tổng hợp dữ liệu phù hợp đối với từng Adapter theo từng giai đoạn phát triển và có tài liệu đặc tả thông tin trả về.
- Bước 8: Trả về dữ liệu. Khi HTTT ATTP kết nối trực tiếp với NGSP sẽ

nhận được dữ liệu ngay sau khi NGSP tổng hợp thông tin.

3.2.3 Chuẩn dữ liệu đồng bộ về ATTP

Dịch vụ cho phép xác thực thông tin công dân có trong CSDLQG về dân cư hay không và đồng bộ thông tin an toàn thực phẩm vào CSDLQG về dân cư.

Đặc tả thông tin:

TT	Tên trường	Định dạng	Bắt buộc	Mô tả
1	MaYeuCau	String(40 ký tự)	x	Mã yêu cầu (hệ thống gửi yêu cầu tự tạo). Mỗi lần gọi phải thay giá trị. Nên sử dụng yyyyMMddHHmmssfff hoặc các biến tự tăng
2	MaDVC	String(20 ký tự)	x	Mã thủ tục hành chính công theo quy định tại quyết định 362/QĐ-VPCP do Bộ Thông tin truyền thông ban hành ngày 27/4/2019.
3	MaTichHop	String(20 ký tự số)	x	Mã dịch vụ tích hợp (theo quy định của hệ thống CSDLQG về DC)
4	SoDinhDan	String(12 ký tự số)	x	Số định danh cá nhân (hoặc số CCCD) của công dân
5	SoCMND	String(9 ký tự số)		Số chứng minh nhân dân của công dân (bắt buộc khi không có số CCCD)
6	HoTen	String(200 ký tự)	x	Họ tên đầy đủ của công dân viết liền không dấu và viết hoa
7	NgaySinh	String(10 ký tự)	x	Ngày tháng năm sinh của công dân. Định dạng nhập liệu: yyyy-mm-dd
8	GioiTinh	String(1 ký tự số)	x	Giới tính của công dân: 0: Nam 1: Nữ
9	NoiOHienTai	String(200 ký tự)		Nơi ở hiện tại của công dân
10	Thongxxxx1			
10.1	Tendulieu	String(200 ký tự)		Tên dữ liệu

TT	Tên trường	Định dạng	Bắt buộc	Mô tả
10.2	Ngaycungcap	String(200 ký tự)		Ngày cung cấp
10.3	Thongtindulieu1	String(200 ký tự)		[mô tả thông tin]
10.4	Thongtindulieu2	String(200 ký tự)		[mô tả thông tin]

3.3. Kết nối, liên thông dữ liệu lên Kho dữ liệu tỉnh

3.3.1 Nghiệp vụ tích hợp

+ Nghiệp vụ tích hợp về ATTP bao gồm:

- Thông tin Cơ sở SXKD
- Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện
- Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo
- Thông tin đăng ký công bố
- Thông tin tự công bố sản phẩm
- Danh sách Vụ ngộ độc thực phẩm
- Danh sách trường hợp ngộ độc thực phẩm

3.3.2 Chuẩn dữ liệu kết nối

a) Thông tin cơ sở sản xuất kinh doanh

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO_ATTP	Chuỗi	10	Mã cơ sở An toàn thực phẩm
2	TEN_CO_SO	Chuỗi	200	Bao gồm cả tên đầy đủ của cơ sở thực phẩm và tên viết tắt
3	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
4	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
5	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
6	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
				các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	SO_DIEN_THOAI	Chuỗi	30	Số điện thoại
8	EMAIL	Chuỗi	100	Email của cơ sở thực phẩm
9	MA_NGANH_QUAN_LY	Số	1	Mã ngành quản lý: 1- Ngành y tế, 2-Nông nghiệp, 3 -Công thương, 4- Ủy ban nhân dân
10	MA_CAP_QUAN_LY	Số	1	Mã cấp quản lý: 1-Trung ương, 2-Tỉnh, 3-Huyện, 4- Xã
11	MA_PHAN_LOAI_CO_SO	Số	1	Mã phân loại cơ sở: 1-Sản xuất thực phẩm bao gồm vừa sản xuất vừa kinh doanh, 2- Kinh doanh thực phẩm, 3-Kinh doanh dịch vụ ăn uống, 4-Kinh doanh thức ăn đường phố, 5-Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe
12	TRANG_THAI_CAP_PHEP	Chuỗi	1	Mã trạng thái cấp phép: 1- Cơ sở đủ điều kiện, 2- Bản cam kết, 3 - Chưa cấp phép, 4-Không cần cấp, 12- Cơ sở đủ điều kiện thực hành sản xuất tốt GMP thực phẩm bảo vệ sức khỏe
13	TINH_TRANG_HOAT_DONG	Số	1	Mã tình trạng: 1-Hoạt động, 2-Ngừng hoạt động

b) Thông tin giấy phép: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện, Đăng ký công bố, Đăng ký nội dung quảng cáo, Bản tự công bố, Bản cam kết

ST T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_CO_SO_AT_TP	Chuỗi	10	Mã cơ sở An toàn thực phẩm
2	MA_SAN_PHAM	Chuỗi	10	Mã sản phẩm

ST T	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
3	SO_GIAY_CHU NG_NHAN	Chuỗi	30	Số chứng nhận cấp phép
4	NGAY_CAP_GC N_ATTP	Chuỗi	12	Kiểu dd/mm/yyyy
5	NGAY_HET_HA N_GCN_ATTP	Chuỗi	12	Kiểu dd/mm/yyyy
6	PHAN_LOAI	Số	1	1. Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện 2. Đăng ký công bố 3. Đăng ký nội dung quảng cáo 4. Tự công bố 5. Bản cam kết

c) Thông tin Vụ ngộ độc thực phẩm

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_VU_NGO _DOC	Chuỗi	12	Mã vụ ngộ độc
2	DIA_CHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm nơi xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm
3	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
4	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
5	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính VN (TCTK ban hành)
6	SO_NGUOI_A N	Số	8	Số người ăn
7	SO_NGUOI_M AC	Số	8	Số người mắc
8	SO_NGUOI_D I_VIEN	Số	8	Số người đi viên

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
9	SO_NGUOI_C HET	Số	8	Số người tử vong
10	TAC_NHAN_ NGO_DOC	Chuỗi	50	Ghi rõ loại tác nhân gây ngộ độc
11	LOAI_HINH_ NDTP	Chuỗi	30	Loại hình xảy ra 1. Gia đình, 2. Nhà hàng, 3. Nhà trẻ, 4. Bếp ăn tập thể, 5 Khách sạn, 6. Đám cưới/đám giỗ, 7. Bếp ăn trường học, 8. Thức ăn đường phố, 9. Khác
12	THUC_AN_N GUYEN_NHA N	Chuỗi	30	Ghi rõ loại thức ăn
13	Nam	Số	4	Năm thống kê

d) Thông tin trường hợp ngộ độc thực phẩm

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
1	MA_BN	Chuỗi	30	Mã định danh của trường hợp bị ngộ độc thực phẩm
2	MA_VU_NG O_DOC	Chuỗi	12	Mã vụ ngộ độc
3	HO_TEN	Chuỗi	50	Họ và tên
4	NGAY_SINH	Chuỗi	12	Theo định dạng ngày tháng năm yyyymmdd
5	DIACHI	Chuỗi	200	Địa chỉ số nhà, thôn, xóm
6	MA_TINH	Chuỗi	2	Mã tỉnh thành - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
7	MA_HUYEN	Chuỗi	3	Mã quận huyện - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam

TT	Tên trường dữ liệu	Kiểu dữ liệu	Kích thước tối đa	Mô tả
				(Tổng cục Thống kê ban hành)
8	MA_XA	Chuỗi	5	Mã phường xã - Lấy theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam (Tổng cục Thống kê ban hành)
9	NGAY_MAC	Chuỗi	12	Ngày mắc theo định dạng yyyymmdd
10	NGAY_VAO_VIEN	Chuỗi	12	Ngày vào viện định dạng yyyymmdd
11	NGAY_RA_VIEN	Chuỗi	12	Ngày ra viện định dạng yyyymmdd
12	NGUYEN_NHAN_NGO_DOC	Chuỗi	200	Ghi rõ kết quả kiểm nghiệm phát hiện nguyên nhân trong mẫu thực phẩm (vi sinh, hóa học, độc tố tự nhiên, không xác định)
13	KET_QUA_DIEU_TRI	Chuỗi	100	Kết quả điều trị

4. Danh sách chức năng phần mềm quản lý thông tin ATTP cần nâng cấp

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
1	Quản lý thông tin cơ sở SXKD		
	Xem danh sách cơ sở SXKD thực phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Thêm cơ sở SXKD thực phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Sửa cơ sở SXKD thực phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Tìm kiếm cơ sở SXKD	Đã có,	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	thực phẩm	cần chỉnh sửa	loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Thêm cơ sở SXKD thực phẩm từ file excel	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Xuất excel danh sách cơ sở SXKD	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phân loại cơ sở Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Xem giấy chứng nhận	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung thông tin trường dữ liệu Phạm vi, Cơ quan cấp, Thông tin về thu hồi (Lý do, thời gian thu hồi) Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Hiển thị lịch sử kết quả kiểm tra theo thời gian	Chưa có, cần bổ sung	Bổ sung thông tin trường dữ liệu về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)) Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Xem chi tiết kết quả từng lần kiểm tra	Chưa có, cần bổ sung	Xem thông tin về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)) Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
2	Quản lý kết quả kiểm tra cơ sở SXKD		
	Hiển thị danh sách kết quả kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Hiển thị thông tin về các đợt kiểm tra cơ sở SXKD, thông tin về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có))
	Tìm kiếm kết quả kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Tìm kiếm thông tin kết quả kiểm tra cơ sở SXKD
	Thêm mới kết quả kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Thêm mới thông tin kết quả đợt kiểm tra cơ sở SXKD, thông tin về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)) Sau khi lưu kết quả thì kết quả được cập nhật về theo lịch sử của từng cơ sở SXKD tại chức năng Quản lý thông tin cơ sở SXKD

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	Chỉnh sửa thông tin kết quả kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Chỉnh sửa thông tin kết quả đợt kiểm tra cơ sở SXKD, thông tin về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có)) Sau khi lưu kết quả thì kết quả được cập nhật về theo lịch sử của từng cơ sở SXKD tại chức năng Quản lý thông tin cơ sở SXKD
	Xem thông tin kết quả kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Xem chi tiết thông tin kết quả kiểm tra cơ sở SXKD, thông tin về xử lý vi phạm (hành vi vi phạm, hình thức xử phạt (chính và bổ sung) và biện pháp khắc phục hậu quả (nếu có))
	Xóa thông tin kiểm tra cơ sở SXKD	Chưa có, cần bổ sung	Xóa thông tin kiểm tra cơ sở
3	Quản lý thông tin sản phẩm		
	Xem danh sách sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin xuất xứ của sản phẩm Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Thêm sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin xuất xứ của sản phẩm. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Sửa thông tin sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin xuất xứ của sản phẩm. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Tìm kiếm sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin xuất xứ của sản phẩm. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Xem giấy xác nhận của sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin Ngày hết hạn, Cơ quan cấp/tiếp nhận. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Thêm giấy chứng nhận cho sản phẩm	Đã có, cần chỉnh sửa	Bổ sung trường thông tin Ngày hết hạn, Cơ quan cấp/tiếp nhận. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Hiển thị danh sách nơi	Chưa có,	Hiển thị thông tin về nơi tiêu thụ sản

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	tiêu thụ sản phẩm	cần bổ sung	phẩm. Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Tìm kiếm nơi tiêu thụ sản phẩm	Chưa có, cần bổ sung	Bổ sung tìm kiếm về nơi tiêu thụ sản phẩm.
	Cập nhật nơi tiêu thụ sản phẩm	Chưa có, cần bổ sung	Cập nhật thông tin về nơi tiêu thụ sản phẩm.
	Xóa nơi tiêu thụ sản phẩm	Chưa có, cần bổ sung	Xóa thông tin nơi tiêu thụ sản phẩm.
	Hiển thị lịch sử thu hồi	Chưa có, cần bổ sung	Hiển thị thông tin về thu hồi sản phẩm
	Xem chi tiết lịch sử thu hồi	Chưa có, cần bổ sung	Xem thông tin về thu hồi sản phẩm
	Cập nhật thông tin thu hồi	Chưa có, cần bổ sung	Cập nhật thông tin về thu hồi sản phẩm
	Xóa thông tin thu hồi	Chưa có, cần bổ sung	Xóa thông tin về thu hồi sản phẩm
	Hiển thị lịch sử xử phạt liên quan đến sản phẩm	Chưa có, cần bổ sung	Hiển thị thông tin về xử phạt liên quan đến sản phẩm Theo yêu cầu CV 2776/BYT-ATTP
	Xem chi tiết lịch sử xử phạt	Chưa có, cần bổ sung	Xem thông tin về xử phạt liên quan đến sản phẩm
	Cập nhật thông tin xử phạt	Chưa có, cần bổ sung	Cập nhật thông tin xử phạt liên quan đến sản phẩm
	Xóa thông tin xử phạt	Chưa có, cần bổ sung	Xóa thông tin xử phạt liên quan đến sản phẩm
4	Quản lý lịch sử liên thông với Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20		
4.1	<i>Lịch sử liên thông danh sách cơ sở thực phẩm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu cơ sở thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách cơ sở thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	Chia sẻ thông tin về cơ sở thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về cơ sở thực phẩm		
4.2	<i>Lịch sử liên thông giấy chứng nhận ATTP</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu giấy chứng nhận ATTP của cơ sở thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách giấy chứng nhận ATTP đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về giấy chứng nhận ATTP		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về giấy chứng nhận ATTP		
4.3	<i>Lịch sử liên thông danh sách Cơ sở vi phạm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu cơ sở thực phẩm vi phạm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách Cơ sở vi phạm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Cơ sở vi phạm ATTP		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Cơ sở vi phạm ATTP		
4.4	<i>Lịch sử liên thông danh sách Vụ ngộ độc thực phẩm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu vụ ngộ độc thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách Vụ ngộ độc thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Vụ ngộ độc thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Vụ ngộ độc thực phẩm		
4.5	<i>Lịch sử liên thông danh</i>	Chưa có,	Liên thông dữ liệu trường hợp ngộ độc

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	<i>sách trường hợp Ngộ độc thực phẩm</i>	cần bổ sung	thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách trường hợp Ngộ độc thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về trường hợp Ngộ độc thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về trường hợp Ngộ độc thực phẩm		
4.6	<i>Lịch sử liên thông danh sách nguồn lực an toàn thực phẩm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu nguồn lực an toàn thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách nguồn lực an toàn thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về nguồn lực an toàn thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về nguồn lực an toàn thực phẩm		
4.7	<i>Lịch sử liên thông Truyền thông an toàn thực phẩm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu truyền thông an toàn thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách Truyền thông an toàn thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Truyền thông an toàn thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Truyền thông an toàn thực phẩm		
4.8	<i>Lịch sử liên thông hoạt động truyền thông an</i>	Chưa có, cần bổ	Liên thông dữ liệu hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm lên Nền tảng

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	<i>toàn thực phẩm</i>	sung	quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về hoạt động truyền thông an toàn thực phẩm		
4.9	<i>Lịch sử liên thông kết quả thanh tra, kiểm tra</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu kết quả thanh tra, kiểm tra lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách kết quả thanh tra, kiểm tra đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về kết quả thanh tra, kiểm tra		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về kết quả thanh tra, kiểm tra		
4.10	<i>Lịch sử liên thông Danh sách kiểm nghiệm thực phẩm</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu danh sách kiểm nghiệm thực phẩm lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách kiểm nghiệm thực phẩm đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về kiểm nghiệm thực phẩm		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về kiểm nghiệm thực phẩm		
4.11	<i>Lịch sử liên thông Nguồn kinh phí</i>	Chưa có, cần bổ sung	Liên thông dữ liệu về Nguồn kinh phí lên Nền tảng quản lý thông tin y tế cơ sở V20
	Hiển thị danh sách Nguồn		

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	kinh phí đã liên thông		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Nguồn kinh phí		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Nguồn kinh phí		
5	Quản lý lịch sử liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư		
5.1.	<i>Thông tin Cơ sở SXKD</i>	Chưa có, cần bổ sung	Xác thực thông tin công dân là chủ cơ sở SXKD có trong CSDLQG về dân cư
	Hiện thị danh sách Thông tin Cơ sở SXKD		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Thông tin Cơ sở SXKD		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Thông tin Cơ sở SXKD		
5.2	<i>Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện</i>	Chưa có, cần bổ sung	Đồng bộ thông tin an toàn thực phẩm vào CSDLQG về dân cư
	Hiện thị danh sách Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Thông tin đăng ký cơ sở đủ điều kiện		
5.3	<i>Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo</i>	Chưa có, cần bổ sung	Đồng bộ thông tin an toàn thực phẩm vào CSDLQG về dân cư
	Hiện thị danh sách Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về		

ST T	Chức năng	Tình trạng	Mô tả
	Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Thông tin xác nhận nội dung quảng cáo		
5.4	<i>Thông tin đăng ký công bố</i>	Chưa có, cần bổ sung	Đồng bộ thông tin an toàn thực phẩm vào CSDLQG về dân cư
	Hiện thị danh sách Thông tin đăng ký công bố		
	Xem thông tin chi tiết tình trạng liên thông		
	Chia sẻ thông tin về Thông tin đăng ký công bố		
	Tìm kiếm thông tin liên thông về Thông tin đăng ký công bố		

5. Các yêu cầu phi chức năng

5.1 Yêu cầu cần đáp ứng đối với cơ sở dữ liệu

- Dữ liệu của hệ thống sau khi nâng cấp được lưu trữ trên hệ quản trị cơ sở dữ liệu hiện có của phần mềm đáp ứng các yêu cầu:

- Hệ thống chỉ cho phép người dùng đã qua xác thực được truy cập. Hệ thống sẽ cho phép tối thiểu ba loại người dùng được xác thực như người dùng nghiệp vụ, người dùng hệ thống nội bộ, và quản trị hệ thống.
- Hệ thống sẽ thực thi các khái niệm về phiên của người sử dụng, đặc biệt là với đối tượng người dùng nghiệp vụ, trong đó các thông tin về hoạt động của người sử dụng từ lúc đăng nhập đến khi đăng xuất (tức là các phiên làm việc) được lưu lại trong cơ sở dữ liệu.
- Hệ quản trị CSDL cho phép giám sát hoạt động lâu dài, sử dụng giao diện công cụ GUI để dễ dàng thao tác.
- Hệ quản trị CSDL hỗ trợ khả năng advanced-queuing có sẵn
- Hệ quản trị CSDL hỗ trợ cho mức độ truy vấn song song tự động
- Hệ quản trị CSDL hỗ trợ việc sao chép và chia sẻ tải với một hệ thống khôi phục dự phòng.
- Hệ quản trị CSDL sẽ cung cấp các công cụ tự động mở rộng để lưu trữ dữ

liệu định kỳ.

- Hệ quản trị CSDL sẽ cung cấp các công cụ tự động để định kỳ “làm sạch” dữ liệu nhằm đảm bảo sự nhất quán và toàn vẹn dữ liệu. Các công cụ phải lưu trữ các dữ liệu quá khứ để rollback nếu cần
- Cơ sở dữ liệu phải có khả năng lưu trữ với dung lượng lớn, trong thời gian lâu dài
- Có khả năng lưu trữ được nhiều định dạng dữ liệu khác nhau như dữ liệu có cấu trúc, bán cấu trúc, phi cấu trúc dưới dạng tệp gắn kèm (dữ liệu tệp văn bản, dữ liệu phim, ảnh, âm thanh).

5.2 Yêu cầu về môi trường phát triển phần mềm

- Xây dựng trên nền tảng phần mềm hiện có.

5.3 Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình

- Đảm bảo tính dễ sử dụng: Giao diện thân thiện với người sử dụng, các giao diện nên được viết trên các module giao diện thống nhất để người sử dụng dễ nhớ các thủ tục thao tác vận hành. Thống nhất với giao diện hệ thống hiện tại đang hoạt động.

- Tuân thủ các chuẩn: Phần mềm được nâng cấp phải tuân thủ các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật theo hướng dẫn tại của nhà nước.

5.4 Các yêu cầu cần đáp ứng về thời gian xử lý, độ phức tạp xử lý của các chức năng phần mềm

Phần mềm sau khi nâng cấp đưa vào triển khai đáp ứng các yêu cầu:

- Thời gian phản hồi trung bình: Hệ thống có thời gian phản hồi trung bình dưới 10 giây đối với mỗi luồng công việc chính riêng rẽ và không bao gồm các luồng mang tính chất thống kê, báo cáo (thời gian phản hồi được tính từ khi người sử dụng gửi yêu cầu đáp ứng tới hệ thống cho đến khi nhận được dữ liệu phản hồi từ hệ thống).

- Thời gian phản hồi chậm nhất: Hệ thống có thời gian phản hồi chậm nhất dưới 30 giây đối với toàn bộ các thao tác trên toàn trang.

- Hiệu suất làm việc của máy chủ: Hiệu suất làm việc trung bình của CPU $\leq 75\%$.

- Truy cập đồng thời: Hệ thống có khả năng đáp ứng ít nhất 100 truy cập đồng thời

5.5 Các yêu cầu về cài đặt, hạ tầng, đường truyền, an toàn vận hành, khai thác, sử dụng

Việc nâng cấp hệ thống cần đảm bảo không bị ngắt quãng đối với quá trình sử dụng hệ thống hiện tại trong khoảng thời gian chuyển tiếp, nâng cấp .

5.6 Yêu cầu về bảo hành, bảo trì

Trong suốt thời gian bảo hành đơn vị cung cấp dịch vụ phải cung cấp phương thức hỗ trợ, cụ thể là:

- Về thời gian đáp ứng: Kể từ khi nhận được thông báo sự cố, Bên cung cấp dịch vụ phải đảm bảo: Trong vòng 48 giờ phải khắc phục sự cố, trở lại hoạt động bình thường.

- Trong thời gian sửa chữa, khắc phục sự cố, bên cung cấp dịch vụ phải có giải pháp đảm bảo tính liên tục của toàn bộ hệ thống.

- Có quy trình hỗ trợ và cung cấp từ 02 kênh tiếp nhận hỗ trợ trở lên qua: điện thoại hoặc thư điện tử hoặc hỗ trợ tại chỗ.

- Hoạt động theo cơ chế 24x7: 24giờ/ngày x 7ngày/tuần.

- Đơn vị cung cấp dịch vụ phải có cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì khi chủ đầu tư có yêu cầu với chi phí được xác định dựa trên thỏa thuận, thống nhất giữa hai bên trong trường hợp hết thời hạn bảo hành.

5.7 Yêu cầu về đào tạo

- Thực hiện đào tạo trực tiếp quy trình nghiệp vụ kết hợp với đào tạo hướng dẫn sử dụng ứng dụng, quản trị hệ thống. Khóa đào tạo được tổ chức thành 02 lớp, trong đó 01 lớp đào tạo về quy trình nghiệp vụ và 01 lớp đào tạo về quản trị hệ thống.

- Yêu cầu về nội dung tài liệu đào tạo: Nội dung của tài liệu đào tạo phải đầy đủ, bao gồm các nội dung hướng dẫn về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị hệ thống.

5.8 Yêu cầu về tài liệu bàn giao

Các tài liệu cần bàn giao:

- Tài liệu hướng dẫn sử dụng.

- Tài liệu hướng dẫn cài đặt và vận hành.